

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: 68/2019/QĐ-PT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

Ông Nguyễn Song Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 383/2018/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018.

Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ vào các Điều 48, Điều 217, Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” giữa:

- *Nguyên đơn:* Hà Thị Bé T – sinh năm 1948;

Địa chỉ: Số B B N, Phường B, TP. M, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Nguyễn Hoàng A – sinh năm: 1974 (Theo giấy ủy quyền số 2146 quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/3/2018).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Văn Phòng công chứng C.

Người đại diện theo pháp luật: Võ Thị T – chức vụ: Trưởng văn phòng.

Trụ sở: Số H Ô H, Khu H, thị trấn C, huyện C, Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn T – sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Số B N, Phường B, TP. M, Tiền Giang.

2. Nguyễn Văn D – sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Số N đường số S, phường T, Quận B, TP.H.

3. Nguyễn Thị Ngọc Q – sinh năm: 1975;

Địa chỉ: ấp L, xã P, TP. M, tỉnh Tiền Giang.

4. Nguyễn Thị Ngọc T – sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Số N A, Phường N, TP. M, tỉnh Tiền Giang.

5. Nguyễn Thị H – sinh năm: 1971;

6. Nguyễn Văn S – sinh năm: 1973;

7. Nguyễn Văn H – sinh năm: 1975;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 14/11/2018, nguyên đơn bà Hà Thị Bé T yêu cầu hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 383/2018/QĐST-DS ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

XÉT THẤY

Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Bản án số 52/DSST ngày 21/8/2002 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã bác yêu cầu của bà Hà Thị Bé T về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” là phần đất vườn diện tích 818,41m² (qua đo đạc thực tế ngày 19/9/2016 là 957,5m²) tọa lạc B đường A (nay là N), Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, để xác định bà Hà Thị Bé T không có quyền gì đối với phần đất trên. Đồng thời, ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 18/9/2017 theo quy định điểm a, khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, Bản án số 52/DSST ngày 21/8/2002 của Tòa án nhân dân thành phố M, bà T yêu cầu xác định toàn bộ diện tích 864 m² (đo đạc thực tế 818,41m²) là di sản thừa kế của ông C chết để lại để công nhận cho bà T. Tòa án không chấp nhận yêu cầu này. Tuyên giao cho ông T tiếp tục quản lý di sản thừa kế gồm: nhà thờ và đất 818,41m², trong đó, có căn nhà và đất bà T sử dụng 141,08m², các đương sự không kháng cáo, bản án có hiệu lực pháp luật; Tại Bản án 130/2007/DSST 19/11/2007 và Bản án 180/2008/DSPT ngày 28/3/2008, xử bác yêu cầu của ông T yêu cầu đòi 128,235 m² và sở hữu 818,41m²; Tại Bản án 122/2013/DSST ngày 24/9/2013 và Bản án 33/2014/DSPT ngày 15/01/2014, xử bác yêu cầu của ông T yêu cầu đòi 141,08 m²; Tại Bản án 61/2014/DSST ngày 06/8/2014 và Bản án 111/2018/DSPT ngày 18/3/2015, chấp nhận yêu cầu của ông T yêu cầu đòi 148,12m² để ông T quản lý đất, vì bà T có hành vi chuyển nhượng và xây dựng lấn chiếm thêm ngoài diện tích 141,08m².

Như vậy, các bản án thể hiện ông T chỉ quản lý di sản thừa kế nhưng ông T đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 18/9/2017 có công chứng định đoạt di sản thừa kế mà không có sự đồng ý của đồng thừa kế bà T là không đúng quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, bà T có quyền yêu cầu hủy văn bản công chứng theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ vào Điều 48, Điều 217, Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng phiên họp, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bé T.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán, Hội đồng phiên họp và các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án là không có cơ sở. Ông T chỉ được quyền quản lý di sản chứ không được quyền định đoạt, nên bà T có quyền khởi kiện yêu cầu hủy văn bản công chứng. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà T. Hủy quyết định đình chỉ số 382/2018/QĐST-DS của Tòa án nhân dân huyện C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng phúc thẩm nên được chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị Bé T.

Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 383/2018/QĐST-DS ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C để tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại bà Bé T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TG;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Thanh Toàn